

CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2022

(Đính kèm Báo cáo số: 107/BC-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Tên Doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Tổng tài sản								Tổng nguồn vốn							
			Tổng số (Mã 270 CĐKT)	Trong đó:							Tổng số (Mã 300 CĐKT)	Nợ phải trả			Vốn chủ sở hữu (Mã 410 CĐKT)		Tỷ lệ sở hữu của nhà nước	
				Tài sản ngắn hạn (Mã 100 CĐKT)	Hàng tồn kho (Mã 140 CĐKT)	Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã 120 CĐKT)	Đầu tư tài chính dài hạn (Mã 250 CĐKT)	Tài sản dài hạn (Mã 200 CĐKT)	Nợ phải thu (Mã 130 + Mã 210 CĐKT)	Nợ phải thu khó đòi		Nợ phải trả ngắn hạn (Mã 310 CĐKT)	Nợ phải trả dài hạn (Mã 330 CĐKT)	Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn) (Mã 320 CĐKT + Mã 338 CĐKT)	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo
01	Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Hậu Giang	Kinh doanh xô số	874.671	766.133	7.330	261.922	2.600	108.538	242.242	0	414.671	414.671	0	0	400.000	460.000	100%	100%
02	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang	Đầu tư tài chính và đầu tư phát triển	285.421	103.585	86.768	72.786	0	0	11.822	0	19.113	8.555	0	0	205.030	266.308	100%	100%
03	Công ty CP Cấp thoát nước - CTĐT Hậu Giang	Nước sạch, đô thị...	521.086	135.290	19.073	5.200	0	385.796	95.111	0	128.617	116.797	11.820	43.809	389.356	392.469	46,33%	46,33%
04	Công ty Cổ phần Bến xe tàu Hậu Giang	Quản lý và khai thác bến xe, bến tàu phà...	36.293	4.482	0	0	0	31.810	1.198	0	1.135	1.135	0	0	34.787	35.158	96,78%	96,78%
05	Công ty Cổ phần Quy hoạch Kiến trúc và ĐTXD Hậu Giang	Lập quy hoạch xây dựng; Lập ĐAĐTXD..	4.846	4.829	0	1.500	0	17	2.585	0	1.804	1.804	0	0	4.344	3.041	70,97%	70,97%

Stt	Tên Doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Tổng tài sản								Tổng nguồn vốn							
			Tổng số (Mã 270 CĐKT)	Trong đó:							Tổng số (Mã 300 CĐKT)	Nợ phải trả			Vốn chủ sở hữu (Mã 410 CĐKT)		Tỷ lệ sở hữu của nhà nước	
				Tài sản ngắn hạn (Mã 100 CĐKT)	Hàng tồn kho (Mã 140 CĐKT)	Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã 120 CĐKT)	Đầu tư tài chính dài hạn (Mã 250 CĐKT)	Tài sản dài hạn (Mã 200 CĐKT)	Nợ phải thu (Mã 130 + Mã 210 CĐKT)	Nợphải thu khó đòi		Nợ phải trả ngắn hạn (Mã 310 CĐKT)	Nợ phải trả dài hạn (Mã 330 CĐKT)	Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn) (Mã 320 CĐKT + Mã 338 CĐKT)	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo
06	Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang	Cung cấp nước sạch...	468.664	46.397	4.084	0	0	422.267	21.009	0	129.959	129.959	0	0	322.361	338.705	99,09%	99,09%
07	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang	Nghiên cứu, lưu trữ, phát triển, cung cấp giống sản xuất giống nông nghiệp	64.019	20.758	11.331	0	0	43.261	8.078	0	44.204	37.804	6.400	21.140	18.823	18.807	49,07%	66,05%
08	Công ty Cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang	Đo đạc, lập bản đồ địa chính...	24.745	8.912	2.019	0	0	15.832	6.269	0	5.814	5.814	0	0	18.859	18.931	98,44%	98,43%
09	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Mùa Xuân Hậu Giang	Sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm nông, lâm sản và thủy sản...	39.225	16.172	12.433	0	0	23.053	3.591	0	2.049	2.049	0	1	27.976	29.463	51,06%	54,71%
10	Công ty Cổ phần Bông Sen Hậu Giang	Kinh doanh phòng ngủ; Kinh doanh ăn uống, nhà hàng ca nhạc, ...	67.473	1.509	-	0	0	65.976	1.093	0	7.813	7.813	0	0	67.543	59.660	99,92%	99,92%
Tổng cộng			2.386.443	1.108.067	143.038	341.408	2.600	1.096.550	392.998	0	755.179	726.401	18.220	64.950	1.489.079	1.622.542	-	-

CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2022

(Đính kèm Báo cáo số:107/BC-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang)

Dvt: triệu đồng

Stt	Tên Doanh nghiệp	Doanh thu (Mã 10+21+31 BCKQHĐKD)		Lợi nhuận trước thuế (Mã 50 BCKQHĐKD)		Lỗ		Phải nộp NSN		Đã nộp NSNN		Đầu tư ngoài ngành		
		Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Lỗ phát sinh	Lỗ Lũy kế	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Lĩnh vực	Tổng giá trị khoản đầu tư	
													Năm trước	Năm báo cáo
01	Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Hậu Giang	2.056.889	3.637.154	219.553	439.579	-	-	1.048.161	1.485.524	882.197	1.281.751	In ấn	2.600	2.600
02	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang	17.552	26.572	7.262	15.069	-	-	2.004	4.728	831	3.717	-	-	
03	Công ty CP Cấp thoát nước - CTĐT Hậu Giang	232.540	280.787	9.684	8.184	-	-	13.078	16.664	14.326	13.274	Xây dựng	1.900	1.900
04	Công ty Cổ phần Bến xe tàu Hậu Giang	22.321	23.719	710	868	-	-	1.569	1.654	1.361	2.123	-	-	-
05	Công ty Cổ phần Quy hoạch Kiến trúc và ĐTXD Hậu Giang	1.004	354	-1.251	-1.302	-1.302	-2.553	80	35	741	155	-	-	-
06	Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang	61.686	72.204	1.309	1.338	-	-	3.181	3.439	3.374	3.429	-	-	-
07	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang	6.384	10.706	9	41	-	-	153	168	139	177	-	-	-
08	Công ty Cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang	3.413	3.523	59	72	-	-	341	261	332	726	-	-	-
09	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Mùa Xuân Hậu Giang	2.415	3.994	128	173	-	-	94	87	43	132	-	-	-
10	Công ty Cổ phần Bông Sen Hậu Giang	1.141	2.462	-2.864	-7883	-7.883	-10.747	152	4.074	0	72	-	-	-
Tổng cộng		2.405.345	4.061.475	234.599	456.139	-9.185	-13.300	1.068.813	1.516.634	903.344	1.305.556			